

**NGHIÊN CỨU PHÂN LOẠI CHI ĐẬY - *CORCHORUS* L.  
(HỌ ĐẬY - TILIACEAE) Ở VIỆT NAM**

**NGUYỄN THỊ THANH LOAN, HÀ MINH TÂM**

*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*

**ĐỖ THỊ XUYẾN**

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

Theo Tang Ya, Michael G. G. and Laurence J. D., 2007 chi Đay - *Corchorus* L. có khoảng 100 loài phân bố chủ yếu ở các vùng nhiệt đới trên thế giới. Theo Đỗ Thị Xuyên, 2010 [9] ở Việt Nam, chi này hiện biết có 4 loài là Đay dại (*Corchorus aestuans* L.), Đay quả tròn (*C. capsularis* L.), Đay quả dài (*C. olitorius* L.), Đay thái (*C. siamensis* Craib). Các loài thuộc chi này thường mọc hoang hay được trồng rộng rãi như *C. capsularis* L., *C. olitorius* L.; bên cạnh việc sử dụng các loài Đay để lấy sợi thì chúng còn được trồng rộng rãi làm rau ăn, làm thuốc. Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi đưa ra khoá định loại, tình hình phân bố và đặc điểm hình thái cơ bản của các loài thuộc chi Đay (*Corchorus* L.) ở Việt Nam.

**I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu là các đại diện của chi *Corchorus* ở Việt Nam bao gồm các mẫu khô được lưu giữ tại các phòng tiêu bản thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), Viện Sinh học nhiệt đới (VNM), Viện Dược liệu (HNPI), trường Đại học Khoa học tự nhiên (HNU),... và các mẫu tươi thu được trong các chuyến điều tra thực địa.

**2. Phương pháp nghiên cứu**

Chúng tôi đã áp dụng phương pháp nghiên cứu so sánh hình thái để phân loại. Đây là phương pháp truyền thống được sử dụng trong nghiên cứu phân loại thực vật từ trước đến nay. Phương pháp này dựa vào đặc điểm hình thái của cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản để nghiên cứu, trong đó chủ yếu dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản, vì nó ít biến đổi và ít phụ thuộc vào điều kiện môi trường bên ngoài. Đối với chi Đay (*Corchorus*), các đặc điểm được coi là quan trọng trong quá trình nghiên cứu được chú trọng như đặc điểm của đài, cánh hoa, hình dạng quả, số lượng gai hay răng trên quả, hạt,...

**II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**1. Khoá định loại các loài thuộc chi Đay (*Corchorus* L.) ở Việt Nam**

- 1A. Hoa mọc ở nách lá. Quả hình cầu, đỉnh cụt, không có mỏ, không có răng. Phiến lá không có lông ..... **1. *C. capsularis***
- 1B. Hoa mọc đối diện với nách lá. Quả hình trụ, đỉnh có răng hay có mỏ. Phiến lá có lông.
  - 2A. Quả thắt ở đỉnh. .... **2. *C. olitorius***
  - 2B. Quả không thắt ở đỉnh.
    - 3A. Gốc lá có 2 răng kéo dài thành sợi. Quả không có răng, có 3-5 mỏ ở đỉnh. .... **3. *C. aestuans***
    - 3B. Gốc lá có 2 răng không kéo dài thành sợi. Quả có 3-5 răng ở đỉnh. .... **4. *C. siamensis***

**2. Một số đặc điểm cơ bản và tình hình phân bố của các loài thuộc chi Đay (*Corchorus* L.) ở Việt Nam**

**2.1. *Corchorus aestuans* L. – Đay dại, Bồ dại, Rộp, Dop, Rau nhót**

L. 1759. Syst. Nat. ed. 10, 2: 1079; H. T. Chang & R. H. Miao, 1989. Fl. Reipubl. Pop. Sin. 49 (1): 80; Phamh. 1991. Illustr. Fl. Vietn. 1: 560; T. S. Liu & H. C. Lo, 1993. Fl. Taiwan ed. 3: 724. Pl. 368; Phamh. 1999. op. cit. ed. 1: 480. f. 1927. [*“estuana”*]; C. Phengklai, 1993. Fl. Thailand, 6(1): 30; N. T. Ban, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 568; T. Ya, M. G. Gilbert & L. J. Dorr, 2008. Fl. China, 2: 249. - *C. aesticans* Hill, 1769. Veg. Syst. 14: 23. f. 19. - *C. acutangulus* Lamk. 1786. Encycl. 2: 104; Mast. in Hook. f. 1875. Fl. Brit. Ind. 1: 398; Gagnep. 1911. Fl. Gen. Indoch. 1: 558. f. 57; id. 1945. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 471; Auct. 1972. Ico. Corn. Sin. 2: 803. f. 3335. - *C. fuscus* Roxb. [1814. Hort. Beng. 42. nom. nud.]; 1832. Fl. Ind. 2: 582.

**Đặc điểm hình thái cơ bản:** Cây bụi nhỏ, vỏ màu đỏ nâu, lúc non có lông. Lá đơn, mọc cách, màu xanh; cuống lá xẻ rãnh; phiến lá hình thuôn đến tròn, có lông rải rác; mép lá có 2 răng cưa ở gốc kéo dài thành sợi như hai tai. Lá kèm 2, mọc ở hai bên của cuống lá, hình kim, dài 0,5-1 cm. Hoa mọc đơn độc đối diện nách lá hoặc tạo thành cụm xim mang 2 hoa. Quả nang, hình trụ hẹp, kích thước 2-3 x 0,4-0,7 cm, đỉnh không có vết thắt nhưng có 3 -5 mỏ cứng như gai. Hạt nhiều, hình đa diện bị ép dẹp, màu nâu tối.

**Loc. class:** East Indies. **Typus:** Sonnerat sine num. (P-LA)

**Sinh học và sinh thái:** Mùa ra hoa tháng 5-7, có quả chín tháng 7-9. Cây ưa sáng và ưa ẩm. Mọc rải rác trên đất hoang, ven đường, ven rừng thứ sinh, nơi có nhiều ánh sáng, ở độ cao có thể lên tới 1000 m.

**Phân bố:** Mọc hoang (đôi khi còn được trồng) nhiều nơi ở Việt Nam: Lạng Sơn, Tuyên Quang, Lào Cai, Ninh Bình (Ch Ghènh), Hà Nội, Hà Nam, Khánh Hoà (N ha Trang, Ninh Hoà), Gia Lai (Pleiku), Đắk Lắk (Đác Mít: Nam Đà), Lâm Đồng (Di Linh), Bến Tre, Bà Rịa Vũng Tàu (Côn Đảo). Còn có ở Ấn Độ, Trung Quốc, Mianama, Lào, Campuchia, Philippin, Indônêxia, Malaixia và các nước nhiệt đới Châu Phi.

**Mẫu nghiên cứu:** Lạng Sơn (Hữu Lũng: Hữu Liên), Phương 3851 (HN). - Tuyên Quang (Hàm Yên: Chạm Chu), Phương 6707 (HN). - Lào Cai (Lâm trường Đản Khao), Đoàn Việt - Trung 3280 (HN). - Ninh Bình (Cúc Phương), N. A. Tếp 910 (HN); Sine coll. 32 (HN) - Hà Nội (Từ Liêm: Nghĩa Đô), N. V. Dư (HN); (Thanh Trì), N. Đ. Khôi 16428 (HN) - Hà Nam (Kim Bảng), T. Đ. Lý 62 (HN). - Bến Tre (Ba Tri: Tân Thương), Đ. H. Phúc 408 (HN).

**Giá trị sử dụng:** Làm thuốc, cho rau ăn, thức ăn cho gia súc, vỏ cây cho sợi.

**Ghi chú:** Loài Đay dại được Gagnep, 1911 khi viết “Thực vật chí đại cương Đông Dương” ghi nhận có tên là *C. acutangulus*, vì vậy nên một số công trình về sau thường viết theo tên này. Nhưng hiện nay loài Đay dại được mang tên *C. aestuans* vì tên này mới hợp luật.

**2.2. *Corchorus capsularis* L. – Đay quả tròn, Bồ, Rau đay**

L. 1753. Sp. Pl. 1: 529; Mast. in Hook. f. 1875. Fl. Brit. Ind. 1: 397; Gagnep. 1911. Fl. Gen. Indoch. 1: 556; id. 1945. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 471; Auct. 1972. Ico. Corn. Sin. 2: 802. f. 3334; H. T. Chang & R. H. Miao, 1989. Fl. Reipubl. Pop. Sin. 49 (1): 78; Phamh. 1991. Illustr. Fl. Vietn. 1: 659; T. S. Liu & H. C. Lo, 1993. Fl. Taiwan ed. 3: 727; Phamh. 1999. op. cit. ed. 1: 479. f. 1925; C. Phengklai, 1993. Fl. Thailand, 6(1): 32; N. T. Ban, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 568; T. Ya, M. G. Gilbert & L. J. Dorr, 2008. Fl. China, 2: 249.

**Đặc điểm hình thái cơ bản:** Cây bụi nhỏ, vỏ hơi đỏ tím. Lá đơn; cuống lá ngắn, hình tròn có xẻ rãnh ở phía trên; phiến lá không có lông, hình trứng-hình trứng thuôn, mép lá có hai răng ở

gốc kéo dài thành sợi như 2 tai. Lá kèm 2 cái ở hai bên cuống lá, hình đường hay hình kim, dài 0,5-0,8 cm, nhẵn. Hoa mọc đơn độc hay cụm hoa hình xim mang 2-3 hoa ở nách lá. Quả nang hình cầu, đỉnh cụt, đường kính 0,8-1,5 cm, không có mỏ hoặc răng ở đỉnh, có nốt sần thô trên khắp bề mặt. Hạt nhiều, gần hình bán cầu.

**Loc. Class:** China.

**Sinh học và sinh thái:** Mùa ra hoa tháng 7-11, có quả chín tháng 9-12. Cây ưa sáng, ưa ẩm, được trồng và có hiện tượng hoang dại hoá ở trên các bãi hoang, đất trống, ven đường, ven rừng thứ sinh.

**Phân bố:** Được trồng và mọc hoang phổ biến khắp Việt Nam. Ấn Độ, Bangladesh, Nhật Bản, Trung Quốc, Mianma, Thái Lan, Lào, Campuchia, Philippin, Indônêxia, Malaixia và được trồng ở các nước nhiệt đới khác của châu Á, châu Phi.

**Mẫu nghiên cứu:** PHÚ THỌ (Xuân Sơn): Phương 6521 (HN). - VĨNH PHÚC (Phúc Yên): N. T. T. Loan 02 (HN). - HÀ NỘI (Từ Liêm): N. Q. Bình 08 (HN); (Trung Tự): N. H. Hiến 15351 (HN); N. Đ. Khôi 505 (HN). - ĐÔNG NAI (Biên Hoà): M. T. Nguyễn sine num (HN). - ĐÔNG THÁP (Tam Nông - Tân Công Sinh): N. K. Khôi 353 (HN).

**Giá trị sử dụng:** Được dùng làm rau ăn phổ biến, làm thuốc, vỏ cây cho sợi.

### 2.3. *Corchorus olitorius* L. - Đay quả dài, Đay, Bồ, Rau đay

L. 1753. Sp. Pl. 529; Mast. in Hook. f. 1875. Fl. Brit. Ind. 1: 397; Gagnep. 1911. Fl. Gen. Indoch. 1: 557; Auct. 1972. Ico. Corn. Sin. 2: 803. f. 3336; H. T. Chang & R. H. Miao, 1989. Fl. Reipubl. Pop. Sin. 49 (1): 80; Phamh. 1991. Illustr. Fl. Vietn. 1: 659; T. S. Liu & H. C. Lo, 1993. Fl. Taiwan ed. 3: 727; Phamh. 1999. op. cit. ed. 1: 480. f. 1926; C. Phengklai, 1993. Fl. Thailand, 6(1): 28; N. T. Ban, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 568; T. Ya, M. G. Gilbert & L. J. Dorr, 2008. Fl. China, 2: 250. - *C. tridens* L. 1771. Mant. 2: 556. - *C. trilocularis* L. 1771. Mant. 2: 77. - *C. catharticus* Blanco, 1837. Fl. Phil. 442.

**Đặc điểm hình thái cơ bản:** Cây bụi nhỏ, vỏ màu xanh hay xanh xám. Lá đơn, mọc cách, màu xanh; cuống lá tròn, có xê rãnh; phiến lá màu xanh, có lông rải rác ở mặt dưới, mép lá có 2 hoặc 4 răng ở gốc kéo dài thành sợi như 2 tai hoặc 4 tai. Lá kèm 2 cái ở hai bên của cuống lá, hình kim, dài 0,6-1,5 cm. Hoa mọc đơn độc hay cụm hoa hình xim, thường mang 2 hoa, đối diện nách lá. Quả nang, hình trụ, dọc quả có 10 gân hoặc cánh hẹp, kích thước 3,5-7 x 0,5-0,8 cm, ở đỉnh có vết thắt hẹp, vết thắt thường dài 0,2-0,3 cm, trên mang 5 răng, có 10 gờ dọc cao như dạng cánh. Hạt nhiều, hình đa diện bị ép dẹp, màu đen.

**Loc.class:** India. **Lectotypus:** Herb. Clifford 209, Corchorus no. 1 (BM) theo Wild, 1963. Fl. Zambes. 2: 84.

**Sinh học và sinh thái:** Ra hoa quả quanh năm nhưng chủ yếu có hoa vào các tháng 9-12, có quả chín tháng 10-1 (năm sau). Cây ưa sáng, chịu được đất khô hạn, mọc rải rác trên các bãi hoang, ven đường, ven rừng thứ sinh, nơi có nhiều ánh sáng ở độ cao dưới 700 m.

**Phân bố:** Được trồng và mọc hoang phổ biến ở Việt Nam. Còn có ở các nước nhiệt đới khác của châu Á, châu Phi.

**Mẫu nghiên cứu:** VĨNH PHÚC (Phúc Yên - Xuân Hoà): N. T. T. Loan 01 (HN). - HÀ NỘI (Trung Tự): N. H. Hiến 15346 (HN); N. Q. Hùng 530 (HN); Đạ - Tâm 71HN4 161 (HN). - NAM HÀ (Kim Bảng): T. Đ. Lý 17 (HN). - KHÁNH HOÀ (Trường sa): Phương & N. K. Khôi sine num (HN). - ĐÔNG NAI (Biên Hoà): M. T. Nguyễn 273 (HN).

**Giá trị sử dụng:** Vỏ cây cho sợi, làm thuốc, làm rau ăn.

**2.4. *Corchorus siamensis* Craib. - Đay thái.**

Craib, 1925. Kew Bull. 1925: 21; D. T. Xuyen, 2009. Journ. Bot. 30(2): 4042; C. Phengklaai, 1993. Fl. Thail. 6(1): 30, Fig. 18.

**Đặc điểm hình thái cơ bản:** Cây cỏ nhỏ, cao đến 0,5 m; thân và cành non có lông tơ mảnh, mịn. Lá đơn; cuống lá mảnh; phiến lá hình trứng, kích thước 3-7 x 1,3-3,5 cm; mép lá có 2 răng cưa ở gốc không kéo dài thành dạng sợi; cả 2 mặt có lông rải rác. Lá kèm 2 cái ở hai bên của cuống lá, hình đường hay hình kim, mảnh, dài 0,5-1 cm. Hoa lưỡng tính, mọc đơn độc hay cụm hoa hình xim ở đối diện với nách lá, thường chỉ có 2 hoa. Quả nang, hình trụ hẹp, kích thước 2-3,5 x 0,3-0,5 cm, ở đỉnh không thắt, có 3-5 răng nhỏ cong dài; vỏ quả mỏng, nhẵn. Hạt nhiều, hình đa diện bị ép, màu nâu tối, nhẵn.

**Loc. class.:** Thailand, Tak, Ban Na. **Typus:** Kerr 3040 (K).

**Sinh học và sinh thái:** Ra hoa vào các tháng 9-12; có quả vào các tháng 10-2 (năm sau). Mọc ở các nơi đất trồng, độ cao thấp.

**Phân bố:** Mới tìm thấy ở Quần đảo Trường Sa (Khánh Hoà). Còn có ở Thái Lan.

**Mẫu nghiên cứu:** KHÁNH HOÀ (Quần đảo Trường Sa), Phuong & Khôi TS-102 & TS-115 (HN).

**Giá trị sử dụng:** Vỏ cây cho sợi.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. **Backer C. A. & C. R. Bakhuizen**, 1963: Flora of Java, Netherland, vol. 1, p. 181-185.
2. **Nguyễn Tiến Bân**, 2003: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2, tr. 421-422.
3. **Chang H. T. & R. H. Miao**, 1989: Flora Reipublicae Popularis Sinicae, Science Press, Beijing, vol. 49 (1), p. 80-160. (in Chinese).
4. **Võ Văn Chi**, 1997: Từ điển cây thuốc Việt Nam, NXB. Y học, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 714.
5. **Gagnep. F. in H. Lecomte**, 1911: Floré Générale de L'Indo-chine, Paris, tome 1, p. 550-630.
6. **Phạm Hoàng Hộ**, 1991: Cây cỏ Việt Nam, Santa Ana, Montreal, quyển 1, tr. 743-760.
7. **C. Phengklaai**, 1993: Flora of Thailand, Bangkok, Thailand, vol. 6(1), p. 10-80.
8. **Tang Ya, G. G. Michael and J. D. Laurence**, 2007: Flora of China, Missouri Botanical Garden Press, St. Louis, USA, vol. 12, p. 240-263.
9. **Đỗ Thị Xuyến**, 2010: *Tạp chí Sinh học*, 30(2): 40-42.

**GENUS *CORCHORUS* L. (TILIACEAE Juss.) IN VIET NAM**

NGUYEN THI THANH LOAN, HA MINH TAM, DO THI XUYEN

SUMMARY

According to Tang Ya, Michael G. G. and Laurence J. D., 2007, the genus *Corchorus* L. had about 100 species in the world. There were 4 *Corchorus* species in Vietnam: *Corchorus aestuans* L., *C. capsularis* L., *C. olitoralis* L., *C. siamensis* Craib (D. T. Xuyen, 2010). All of them had bark that can be used for good fibres, especially some of them are vegetables and medicinal plants (*Corchorus capsularis* L., *C. olitoralis* L.),...

The important distinguishing characteristics of the species in *Corchorus* genus are: inflorescence opposite the leaf (*C. olitoralis*, *C. siamensis*, *C. aestuans*) or axilaris (*C. capsularis*); leaf base with one or two pair of filiform appendages (*C. olitoralis*, *C. capsularis*, *C. aestuans*) or not appendages (*C. siamensis*); fruit globose (*C. capsularis*) or cylindrical (*C. olitoralis*, *C. siamensis*, *C. aestuans*).